

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN K  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 08-02-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lầy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc ly hôn tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Số 2b/232 Trần Thành N, quận K, thành phố H; (Có mặt).

*Bị đơn:* anh Vũ Sơn H; ĐKKHKT: Nhà số 213 Đà N, phường Cầu T, Quận Ng Q, thành phố H; nơi cư trú: Số 2b/232 Trần Thành Ng, quận K, thành phố ; (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 09 năm 2020, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị trình bày:* Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn H có làm thủ tục kết hôn ngày 18/4/2001, tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Tr, Quận Ng, thành phố H. Trước khi kết hôn chị H và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà số 213 Đ, phường Cầu T, Quận Ng, thành phố H; đến khoảng tháng 06/2002 chị H, anh H chuyển về sinh sống tại nhà số 2b/232 Trần Thành Ng, quận K, thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc; đến tháng 3 năm 2008 vợ chồng

bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô sát; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài, đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị H xin được ly hôn anh H. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn H có 02 con chung là Vũ Phương L, sinh ngày 14/5/2001 và Vũ Phương C, sinh ngày 23/3/2006. Nay ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Phương Ch đến khi con đủ 18 tuổi; đối với con chung là Vũ Phương L đã đến tuổi trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con Vũ Phương L. Hiện chị H đang làm việc tại Trung tâm y tế quận K, thu nhập bình quân 7.400.000 đồng/tháng. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Vũ Sơn H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh H, không tiến hành hòa giải được và anh H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Tại Đơn đề nghị ngày 15/12/2020 cháu Vũ Phương Ch là con của chị Nguyễn Thị Hg và anh Vũ Sơn H đề nghị:* Khi bố mẹ ly hôn, cháu Vũ Phương C xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị H để tiện cho việc chăm sóc, học hành.

*Tại Đơn xác nhận ngày 14 tháng 10 năm 2020 Công an phường Trần Thành Ng, quận K, thành phố H đã xác nhận:* Anh Vũ Sơn H, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 thường xuyên ăn ở, sinh hoạt tại số 2b/232 Trần Thành Ng, quận Kiến A, thành phố H.

*Tại Đơn xác nhận ngày 14 tháng 01 năm 2021, chính quyền địa phương nơi chị H và anh H sinh sống đã xác nhận:* Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn H; cùng địa chỉ: Nhà số 2b/232 Trần Thành Ng, quận K, thành phố H, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND phường Cầu Tr, Quận Ng, thành phố H. Đến khoảng **tháng 6 năm 2002** chị H, anh H chuyển về sinh sống tại nhà số 2b/232 Trần Thành Ng, quận K, thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, vui vẻ, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh H chính quyền địa phương không nắm được. Chị H và anh H có 02 con chung là Vũ Phương L, sinh ngày 14/5/2001 và Vũ Phương Ch, sinh ngày 23/3/2006. Chính quyền địa phương không nắm được chị H và anh H có tài sản chung gì.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều do các đương sự cung cấp; Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; vụ án không thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Ph không tham gia phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 21 tháng 10 năm 2020 chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Sơn H; bị đơn là anh Vũ Sơn H, hiện đang trú tại phường Trần Thành , quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Kiến A đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Vũ Sơn H không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Vũ Sơn H.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cầu T, Quận Ngô Q, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 18 tháng 4 năm 2001. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn H đã phát sinh mâu thuẫn; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H để giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị H và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn H có hai con chung là Vũ Phương L, sinh ngày 14/5/2001 và Vũ Phương C, sinh ngày 23/3/2006. Con chung là Vũ Phương L đã đến tuổi trưởng thành, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng. Đối với con chung là Vũ Phương Ch: Cháu Ch là con gái, đang độ tuổi dậy thì cần có sự chăm sóc của mẹ, hiện chị H có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con nên giao con chung là Vũ Phương Ch cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vũ Phương Ch, phù hợp thực tế.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H, anh Vũ Sơn H có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Hương phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Sơn H có hai con chung là Vũ Phương L, sinh ngày 14/5/2001 và Vũ Phương Ch, sinh ngày 23/3/2006. Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Phương Ch đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con Vũ Phương L đã đến tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H, anh Vũ Sơn H có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015114 ngày 23/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Vũ Sơn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường C, Quận N, thành phố H
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bình    Nguyễn Công Biên**

**Cao Đặng Trình**

